

toà ÁN NHÂN DÂN CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HUYỆN BUÔN ĐƠN Độc Lập- Tự Do- Hạnh Phúc
TỈNH ĐẮKLẮK

Bản án số: 07/2018/DS - ST

Ngày 24/7/2018.

V/v: *Tranh chấp hợp
đồng vay tài sản*”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BUÔN ĐƠN -TỈNH ĐẮKLẮK

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- chủ tọa phiên toà: Bà Đinh Thị Tuyết.

Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lưu Thị Hằng
2. Bà Võ Thị Liên.

Thư ký phiên toà: Ông Vũ Đức Đông - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Buôn Đôn.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Buôn Đôn tham gia phiên toà: Ông Ngụ Văn Minh – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 7 năm 2018 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắklắk xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 35/2018/TLST-DS ngày 26/4/2018 về việc: “ *Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” và theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2018/QĐXXST-DS ngày 13/6/2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Duy T - Sinh năm 1959

Địa chỉ: Thôn 9, xã H, TP B, tỉnh Đắk Lắk (Có mặt).

- Bị đơn: ông Y N. K - sinh năm 1964 và bà H’ L - sinh năm 1965

Địa chỉ: Buôn Ko A, xã Ea, huyện B, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Phạm Hàn L – Luật sư Văn phòng Luật sư Hàn Lâm – Thực hiện trợ giúp pháp lý của trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh ĐắkLắk (Có mặt).

Người phiên dịch: Bà H’ Xuân H’ Mók - Biên tập viên, Đài phát thanh và Truyền hình huyện Buôn Đôn (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN;

Theo đơn khởi kiện ngày 17/4/2018, bản tự khai và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn ông Nguyễn Duy T trình bày:

Do có mối quan hệ quen biết nguyên đơn đã cho vợ chồng ông Y N. K và bà H’ L; Địa chỉ: Buôn Buôn Ko A, xã Ea, huyện B, tỉnh Đắk Lắk vay 04 lần tổng cộng số tiền 770.000.000đồng (Bảy trăm bảy mươi triệu đồng). Cụ thể các lần vay như sau:

- Ngày 29/5/2017 vay 500.000.000đ (Năm trăm triệu đồng) hạn ngày 03/6/2017 trả 250.000.000 đồng; Ngày 09/6/2017 trả 250.000.000 đồng .

- Ngày 06/6/2017 vay 120.000.000đ (Một trăm hai mươi triệu đồng) hạn ngày 16/6/2017 trả nợ.

- Ngày 20/7/2017 vay 150.000.000đ (Một trăm năm mươi triệu đồng) hạn ngày 30/7/2017 trả nợ.

Lãi suất thỏa thuận 5000đ/ triệu/ngày. Mục đích vay để đáo hạn ngân hàng. Đến hạn vợ chồng ông Y N. K và bà H' L không trả được nợ. Cho đến nay vẫn chưa trả được đồng nào nên nguyên đơn làm đơn khởi kiện yêu cầu tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông Y N. K và bà H' L trả nợ cho tôi số tiền gốc 770.000.000đồng (Bảy trăm bảy mươi triệu đồng) và lãi suất theo quy định của pháp luật kể từ khi vay cho đến khi trả hết nợ.

* Tại biên bản lấy lời khai ngày 07/5/2018 ông Y N. K và bà H' L trình bày:

Do có mối quan hệ quen biết vợ chồng bị đơn thừa nhận chỉ vay của ông Nguyễn Duy T số tiền 620.000.000đồng (Sáu trăm hai mươi triệu đồng), không phải 770.000.000đồng (Bảy trăm bảy mươi triệu đồng) như ông T đã nêu ở trên. Lãi suất thỏa thuận 5000đ/ triệu/ngày. Mục đích vay đáo hạn ngân hàng. Sau khi nhận tiền bị đơn đã trả trước cho nguyên đơn số tiền 26.000.000 đồng tiền lãi nhưng không ghi giấy tờ. Đến hạn bị đơn chưa trả được nợ. Ngày 20/7/2017 ông T đến nhà bị đơn đòi tiền, do không có tiền trả nợ. Ông T đã tính lãi đến ngày 20/7/2017 là 150.000.000đ (Một trăm năm mươi triệu đồng), do không có tiền trả nợ ông T đã yêu cầu vợ chồng tôi ký vào giấy vay tiền là đã vay của ông T số tiền 150.000.000đ (Một trăm năm mươi triệu đồng). Nay hoàn cảnh gia đình chúng tôi rất khó khăn xin trả nợ dần.

Tại phiên tòa ông Nguyễn Duy T không đồng ý yêu cầu của bị đơn cho rằng số tiền 150.000.000đ (Một trăm năm mươi triệu đồng) bị đơn vay ngày 20/7/2017 là số tiền vay, không phải là số tiền lãi và nguyên đơn khẳng định chưa nhận được đồng lãi nào. Việc bị đơn cho rằng đã trả lãi trước 26.000.000đ (Hai mươi sáu triệu đồng) là bịa đặt không có thực tế. Yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật buộc ông Y N.K và bà H'L trả nợ cho nguyên đơn số tiền 770.000.000 đồng (Bảy trăm bảy mươi triệu đồng) không yêu cầu tính lãi suất.

Tại phiên tòa ông Y N. K và bà H' L vắng mặt tại phiên tòa.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Phạm Hàn L – Luật sư - Văn phòng Luật sư Hàn Lâm – Thực hiện trợ giúp pháp lý của trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Đắk Lắk trình bày. Gia đình bị đơn là cá nhân thuộc hộ nghèo theo quy định của pháp luật thì ông Y N. K và bà H' L được miễn nộp tiền án phí. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Điểm đ, khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14. Miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm cho vợ chồng ông Y N. K và bà H' L. Về yêu cầu giám định nội dung chữ viết trong giấy vay tiền ngày 20/7/2017 số tiền

150.000.000đ (Một trăm năm mươi triệu đồng). Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, quyết định dùng ngân sách nhà nước hỗ trợ tiền chi phí giám định cho gia đình bị đơn.

Ý kiến của Kiểm sát viên: về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều tuân thủ đúng quy định của pháp luật.

Đề nghị áp dụng: Khoản 3 Điều 26; điểm b khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Các Điều 463, 465, 466 Bộ luật dân sự năm 2015: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với ông Y N. K và bà H' L.

Buộc bị đơn ông Y N. K và bà H' L phải có nghĩa vụ trả nợ cho ông Nguyễn Duy T tổng cộng số tiền là 770.000.000đồng (Bảy trăm bảy mươi triệu đồng).

Về án phí: Bị đơn ông Y N. K và bà H' L phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Nhưng ông Y N. K và bà H' L là cá nhân thuộc hộ nghèo nên được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Xét việc nguyên đơn ông Nguyễn Duy T khởi kiện yêu cầu kiện ông Y N. K và bà H' L ra Tòa án nhân dân huyện Buôn Đôn là tranh chấp hợp vay tài sản. Vì vậy Hội đồng xét xử xác định đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm b khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Tại phiên tòa ông Y N. K và bà H' L là bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn cố tình không đến tòa án để giải quyết việc kiện, gây khó khăn trong công tác giải quyết vụ án. Căn cứ vào điểm b Khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Hội đồng xét xử giải quyết vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung: Hội đồng xét xử xét thấy 04 giấy vay tiền thể hiện vào các ngày 29/5/2017 vay 500.000.000đ (Năm trăm triệu đồng) hạn ngày 03/6/2017 trả 250.000.000 đồng; Ngày 09/6/2017 trả 250.000.000đồng .

- Giấy vay tiền ngày 06/6/2017 vay 120.000.000đ (Một trăm hai mươi triệu đồng) hạn ngày 16/6/2017 trả nợ.

- Giấy vay tiền ngày 20/7/2017 vay 150.000.000đ (Một trăm năm mươi triệu đồng) hạn ngày 30/7/2017 trả nợ.

Tổng cộng số tiền ông Y N. K và bà H' L vay của ông Nguyễn Duy T là 770.000.000đồng (Bảy trăm bảy mươi triệu đồng)

- Ông Y N. K và bà H' L thừa nhận vay của ông Nguyễn Duy T số tiền 620.000.000đồng (Sáu trăm hai mươi triệu đồng), không phải là 770.000.000đồng (Bảy trăm bảy mươi triệu đồng) như nguyên đơn đã yêu cầu. Ông Y N. K và bà H' L cho rằng giấy vay tiền vay ngày 20/7/2017 số tiền 150.000.000đ (Một trăm năm mươi triệu đồng) là số tiền lãi của số tiền vay 620.000.000đồng vay ngày 29/5/2017

và ngày 06/6/2017. Khi tính lãi vay theo thỏa thuận của các bên từ ngày vay tiền đến ngày 20/7/2017 là không phù hợp với số tiền đã ghi trong giấy vay tiền là 150.000.000đ (Một trăm năm mươi triệu đồng). Hơn nữa, bị đơn ông Y N. K và bà H' L khẳng định chính bản thân đã ký và viết họ và tên của mình vào giấy vay tiền vào ngày 20/7/2017 của nguyên đơn nhưng không rõ nội dung viết gì. Do vậy không có cơ sở chấp nhận số tiền 150.000.000đ (Một trăm năm mươi triệu đồng) vay ngày 20/7/2017 là số tiền lãi. Việc bị đơn cho rằng đã trả lãi trước cho nguyên đơn số tiền 26.000.000đ (hai mươi sáu triệu đồng), nguyên đơn không thừa nhận đã trả lãi trước và không có chứng cứ nào xác định việc bị đơn đã trả lãi trước cho nguyên đơn nên không có căn cứ để chấp nhận.

[3] Về nghĩa vụ trả nợ: Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Duy T: Buộc bị đơn ông Y N. K và bà H' L phải có nghĩa vụ trả nợ cho ông Nguyễn Duy T số tiền gốc là 770.000.000đ (Bảy trăm bảy mươi triệu đồng), nguyên đơn không yêu cầu tính lãi suất là phù hợp với các Điều 463, 465, và Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015

[4] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên ông Nguyễn Duy T không phải chịu án phí. Bị đơn ông Y N. K và bà H' L phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Nhưng ông Y N. K và bà H' L là cá nhân thuộc hộ nghèo nên được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 3 Điều 26; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm b Khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng: Các Điều 463, 465 và Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015.

Áp dụng: Điểm đ, khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Duy T đối ông Y N. K và bà H' L. Buộc ông Y N. K và bà H' L có nghĩa vụ trả nợ cho ông Nguyễn Duy T số tiền 770.000.000đ (Bảy trăm bảy mươi triệu đồng). Ông Nguyễn Duy T không yêu cầu ông Y N. K và bà H' L trả lãi suất.

Áp dụng khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự về trách nhiệm dân sự do chậm thực hiện nghĩa vụ dân sự.

Về án phí: Bị đơn ông Y N. K và bà H' L là cá nhân thuộc hộ nghèo nên được miễn nộp toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Nguyễn Duy T không phải chịu án phí. Trả lại cho ông Nguyễn Duy T số tiền 8.700.000đ (Tám triệu, bảy trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí ông Nguyễn Duy T đã nộp theo biên lai số: 0002813 ngày 24/4/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk.

Nguyên đơn, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt

được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

“ Trường hợp bản án, quyết định được thi hành tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh, VKSND tỉnh;
- VKSND huyện Buôn Đôn;
- Chi cục THADS huyện Buôn Đôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Đinh Thị Tuyết